

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 285/2018/DS-ST
Ngày: 21/6/2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Hương
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

N đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Trụ sở: Đường K, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của N đơn: Ông Đỗ Trần Q, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Đường K, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền của N đơn (Văn bản ủy quyền số 322/UQ-QLN.18 ngày 06/3/2018). (Có yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: Bà Đỗ Kim N, sinh năm: 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường số B, Khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cùng các lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của N đơn thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 15 tháng 9 năm 2015 bà Đỗ Kim N và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.168.150915 (số tài khoản vay là 203710209) có nội dung Ngân hàng cho bà N vay số tiền 100.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay là tiêu dùng, với lãi suất 10%/năm, nếu số ngày vay thực tế nhỏ hơn 30 ngày thì áp dụng lãi suất cho vay ngày với mức lãi suất là 17,40%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Giải ngân vào tài khoản số 203710619 của bà Đỗ Kim N.

Thực hiện hợp đồng thì ngày 15/9/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Đỗ Kim N số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản 203710619 của bà Đỗ Kim N.

Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là 34.054.337đồng và tiền lãi là 9.166.663đồng. Từ ngày 16/9/2017 bà N không thanh toán thêm bất kỳ số tiền nào cho Ngân hàng.

Bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 65.945.663 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử là 18.650.021đồng trong đó lãi trong hạn là 8.611.111đồng và lãi quá hạn là 10.038.910đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 2.000.000đồng. Tổng cộng số tiền gốc, lãi, phạt vi phạm hợp đồng mà bà N còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng số SGN.CN.168.150915 là 86.595.684đồng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2016 bà Đỗ Kim N và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ký hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.644.280616 (số tài khoản vay là 218855719) có nội dung Ngân hàng cho bà N vay số tiền 25.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay là tiêu dùng, với lãi suất 10%/năm, nếu số ngày vay thực tế nhỏ hơn 30 ngày thì áp dụng lãi suất cho vay ngày với mức lãi suất là 17,40%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Giải ngân vào tài khoản số 203710619 của bà Đỗ Kim N.

Thực hiện hợp đồng thì ngày 28 tháng 6 năm 2016 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Đỗ Thị Kim N số tiền 25.000.000 đồng vào tài khoản 203710619 của bà Đỗ Kim N.

Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là 1.389.334đồng và lãi là 416.666đồng. Từ ngày 16/8/2016 bà N không thanh toán thêm bất kỳ số tiền nào cho Ngân hàng.

Tính đến ngày xét xử bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 23.610.666 đồng, nợ lãi là 5.613.938đồng trong đó lãi trong hạn là 2.062.500đồng, lãi quá hạn là 3.551.438đồng; phạt vi phạm hợp đồng là 2.000.000đồng. Tổng cộng số tiền

gốc, lãi và tiền phạt hợp đồng mà bà N còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng số SGN.CN.644.280616 là 31.224.604đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán tổng số tiền 117.820.288đồng trong đó nợ gốc là 89.556.329đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 22.201.459đồng. Tiền phạt chậm trả của 02 hợp đồng là 4.000.000đồng.

2. Bị đơn bà Đỗ Kim N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của N đơn ông Đỗ Trần Q có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Đỗ Kim N được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và thư ký chấp hành đúng qui định của pháp luật.

Về nội dung: Ngày 15 tháng 9 năm 2015 bà Đỗ Kim N và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ký hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.168.150915 (số tài khoản vay là 203710209) có nội dung Ngân hàng cho bà N vay số tiền 100.000.000đồng. Ngày 15/9/2015 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000đồng cho bà N. Tuy nhiên từ ngày 16/9/2017 bà N không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2016 bà Đỗ Kim N và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ký hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.644.280616 (số tài khoản vay là 218855719) có nội dung Ngân hàng cho bà N vay số tiền 25.000.000đồng. Ngày 28/6/2016 Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho bà N số tiền 25.000.000đồng. Bà N thanh toán được 02 kỳ cho Ngân hàng sau đó không tiếp tục thanh toán nữa. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán nợ là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của N đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đỗ Kim N, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do bà N đang cư trú tại quận Thủ Đức nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. Đơn khởi kiện của Ngân hàng phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người đại diện theo ủy quyền của N đơn có đơn xin vắng mặt khi tòa xét xử vụ án nên Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt N đơn.

Bị đơn Bà Đỗ Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, tuy nhiên bà N vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

Theo hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.168.150915 số tài khoản vay là 203710209 thì Ngân hàng cho bà Đỗ Kim N vay số tiền 100.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay là tiêu dùng. Ngày 15/9/2015 Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho bà N số tiền 100.000.000đồng vào tài khoản số 203710619.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản nào trình bày về nội dung vụ án và không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu chứng cứ nào.

Căn cứ vào Hợp đồng giữa Ngân hàng và bà N, Phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 15/9/2015, sao kê giao dịch tài khoản của tài khoản số 203710209 của bà Đỗ Kim N và thực tế bà N đã thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng 11 đợt chứng tỏ bà N đã vay và nhận khoản tiền trên.

Do bà N không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận nên ngày 26/5/2017 Ngân hàng đã ban hành Thông báo thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng.

Theo bảng lịch sử thanh toán của bà Đỗ Kim N do Ngân hàng nộp thì bà N đã thanh toán được số tiền nợ gốc 34.054.337đồng. Như vậy bà N còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 100.000.000đồng – 34.054.337đồng = 65.945.663đồng.

Về tiền lãi, theo Hợp đồng giữa Ngân hàng và bà N thỏa thuận mức lãi suất là 10%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn phù hợp với quy định tại Khoản 1, 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngân hàng giải ngân cho bà N ngày 15/9/2015 sau đó bà N thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được 11 kỳ đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, từ ngày

16/8/2016 thì bà N không thanh toán tiền vốn và lãi cho Ngân hàng như thỏa thuận. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì thời hạn vay là 36 tháng, ngay khi đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ hạn/kết thúc thời hạn vay, nếu bên được cấp tín dụng tức là bà N không trả hết số tiền nợ gốc phải trả đúng hạn thì toàn bộ số dư nợ gốc trở thành nợ quá hạn. Ngày 26/5/2017 Ngân hàng ban hành Thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 25/6/2017 Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, nợ trong hạn sẽ được tính từ ngày 16/8/2016 đến ngày 24/6/2017 là 310 ngày, lãi trong hạn sẽ được tính: $100.000.000 \text{đồng} \times 10\% / 360 \text{ ngày} \times 310 \text{ ngày} = 8.611.111 \text{đồng}$.

Lãi quá hạn sẽ được tính như sau: Đến ngày 15/8/2016 bà N thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng 30.554.337đồng như vậy số nợ còn lại là $100.000.000 \text{đồng} - 30.554.337 \text{đồng} = 69.445.663 \text{đồng}$, từ ngày 25/6/2017 đến ngày 15/9/2017 là 82 ngày như vậy lãi quá hạn sẽ bằng $69.445.663 \text{đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 150\% / 360 \text{ ngày} \times 82 \text{ ngày} = 2.372.727 \text{đồng}$.

Ngày 15/9/2017 bà N thanh toán cho Ngân hàng 3.500.000đồng tiền gốc như vậy tiền gốc bà N còn nợ Ngân hàng từ ngày 15/9/2017 là $69.445.663 - 3.500.000 \text{đồng} = 65.945.663 \text{đồng}$. Từ ngày 16/9/2017 đến ngày xét xử (ngày 21/6/2018) là 279 ngày. Như vậy lãi quá hạn từ ngày 16/9/2017 đến ngày 21/6/2018 là: $65.945.663 \text{đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 150\% / 360 \text{ ngày} \times 279 \text{ ngày} = 7.666.183 \text{đồng}$.

Tổng số nợ lãi quá hạn là $7.666.183 \text{đồng} + 2.372.727 \text{đồng} = 10.038.910 \text{đồng}$.

Theo thỏa thuận của hợp đồng thì mỗi kỳ trễ hạn sẽ bị phạt 200.000đồng. Như vậy từ ngày 15/8/2016 đến 25/6/2017 là 10 kỳ vì vậy Ngân hàng yêu cầu tính phạt chậm trả là $200.000 \text{đồng} \times 10 \text{ kỳ} = 2.000.000 \text{đồng}$ là có căn cứ phù hợp với Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

Như vậy tổng tiền vốn và lãi bà N còn phải trả Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.168.150915 tính đến ngày xét xử là $65.945.663 \text{đồng} + 8.611.111 \text{đồng} + 10.038.910 \text{đồng} + 2.000.000 \text{đồng} = 86.595.684 \text{đồng}$.

Theo nội dung hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.644.280616 số tài khoản vay là 218855719 thì Ngân hàng cho bà N vay số tiền 25.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay là tiêu dùng. Giải ngân vào số tài khoản số 203710619 của bà Đỗ Kim N.

Căn cứ vào Hợp đồng giữa Ngân hàng và bà N, Phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 28/6/2016, sao kê giao dịch tài khoản vay của tài khoản số 218855719 của bà Đỗ Kim N và thực tế bà N đã thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng 02 đợt chứng tỏ bà N đã vay và nhận khoản tiền trên.

Do bà N không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận nên ngày 26/5/2017 Ngân hàng đã ban hành Thông báo thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng.

Theo bảng lịch sử thanh toán của bà Đỗ Kim N do Ngân hàng nộp thì bà N đã thanh toán được số tiền nợ gốc 1.389.334đồng. Như vậy bà N còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 25.000.000đồng – 1.389.334đồng = 23.610.666đồng.

Về tiền lãi, theo Hợp đồng giữa Ngân hàng và bà N thỏa thuận mức lãi suất là 10%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn phù hợp với quy định tại Khoản 1, 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngân hàng giải ngân cho bà N ngày 28/6/2016 sau đó bà N thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được 02 kỳ đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, từ ngày 15/8/2016 thì bà N không thanh toán tiền vốn và lãi cho Ngân hàng như thỏa thuận. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì thời hạn vay là 36 tháng, ngay khi đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ hạn/kết thúc thời hạn vay, nếu bên được cấp tín dụng tức là bà N không trả hết số tiền nợ gốc phải trả đúng hạn thì toàn bộ số dư nợ gốc trở thành nợ quá hạn. Ngày 26/5/2017 Ngân hàng ban hành Thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 25/6/2017 Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, nợ trong hạn sẽ được tính từ ngày 16/8/2016 đến ngày 24/6/2017 là 310 ngày, như vậy lãi trong hạn sẽ được tính: $(25.000.000\text{đồng} \times 10\%/360\text{ ngày} \times 310\text{ ngày}) = 2.152.778\text{đồng} - 90.277\text{ đồng}$ (là số tiền chênh lệch do điều chỉnh ngày thanh toán cho bà N) = 2.062.500đồng.

Lãi quá hạn sẽ được tính như sau: Từ ngày 25/6/2017 toàn bộ số tiền bà N còn nợ là 23.610.666đồng được chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn, từ ngày 25/6/2017 đến ngày xét xử 21/6/2018 là 361 ngày như vậy lãi quá hạn sẽ bằng $23.610.666\text{đồng} \times 10\%/năm \times 150\% /360\text{ ngày} \times 361\text{ ngày} = 3.551.438\text{ đồng}$.

Theo thỏa thuận của hợp đồng thì mỗi kỳ trễ hạn sẽ bị phạt 200.000đồng. Như vậy từ ngày 15/8/2016 đến 25/6/2017 là 10 kỳ vì vậy Ngân hàng yêu cầu tính phạt chậm trả là $200.000\text{đồng} \times 10\text{ kỳ} = 2.000.000\text{đồng}$ là có căn cứ phù hợp với Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

Như vậy tổng tiền vốn và lãi và phạt vi phạm hợp đồng bà N còn phải trả Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.644.280616 tính đến ngày xét xử là $23.610.666\text{đồng} + 2.062.500\text{đồng} + 3.551.438\text{đồng} + 2.000.000\text{đồng} = 31.224.604\text{đồng}$.

Như vậy, tổng tiền vốn và lãi bà N còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 21/6/2018 là $86.595.684\text{ đồng} + 31.224.604\text{đồng} = 117.820.288\text{đồng}$.

Từ những phân tích ở trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bà Đỗ Kim N thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi là 117.820.288đồng, đồng thời yêu cầu bà N tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Đỗ Kim N phải nộp trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 2, Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 283, Điều 290, Điều 422, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc bà Đỗ Kim N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 117.820.288đồng trong đó nợ gốc là 89.556.329 đồng và lãi 24.263.959 đồng và phạt vi phạm hợp đồng 4.000.000đồng theo hai hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.168.150915 số tài khoản vay là 203710209 ngày 19/5/2015 và hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.644.280616 số tài khoản vay là 218855719 ngày 28/6/2016.

Bà Đỗ Kim N tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ của hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Kim N phải nộp 5.891.014(năm triệu tám trăm chín mươi một nghìn không trăm mười bốn) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.704.880 (hai triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn tám trăm tám mươi) đồng theo Biên lai thu số 0037567 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh